TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2022
"Về việc ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà.

Cỏc Hội thẩm nhõn dõn: Bà Nguyễn Thị Tươi, bà Nguyễn Diệu Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 521/HNGĐ ngày 25/11/2021 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31/3/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2022/QĐ-ST ngày 15/4/2022, giữa đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Vũ Thị D**, sinh năm 1987;ĐKHKTT: Thôn C (nay là L) xã L, huyện S, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký tạm trú: Chung cư L, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: KDC P, phường A, TP. H, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Anh Trần Duy N**, sinh năm 1984; ĐKHKTT: Thôn C (nay là L) xã L, huyện S, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký tạm trú: Chung cư L, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện nay đang thi hành án tại: Đội X, phân trại số Y, Trại giam Hoàng Tiến- Bộ Công an. Địa chỉ: Phường V, TP. C, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị D thể hiện:* Chị và anh Trần Duy N tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/5/2010. Sau kết hôn, vợ chồng đăng ký tạm trú và sinh sống ở phường A, thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không chung thuỷ, tính tình gia trưởng. Anh thường xuyên chửi bới, đánh chị và xúc phạm bố mẹ vợ. Năm 2014, anh N bị kết án tù giam về tội Cố ý gây thương tích. Tháng 12 năm 2020, anh N vi phạm pháp luật sau đó bị kết án 40 tháng tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và tội Gây rối trật tự công cộng. Hiện anh N đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến- Bộ Công an. Nay, chị không còn tình cảm với anh N nên chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là cháu Trần Duy L, sinh ngày 28/01/2011; cháu Trần Duy T, sinh ngày 25/9/2914 và cháu Trần Vũ Tâm A, sinh ngày 23/8/2021. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 03 con chung cho đến khi các con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Hiện chị và các con sống cùng trên thửa đất của bố mẹ đẻ, có nhà ở riêng, chỗ ở ổn định. Việc chăm sóc các cháu do chị thực hiện, ngoài ra có sự hỗ trợ giúp đỡ của ông bà ngoại các cháu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, chị và anh anh N không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Theo lời khai của bị đơn thể hiện:* Anh không đồng ý ly hôn với chị D. Lý do không đồng ý ly hôn không phải anh còn tình cảm với chị D mà anh muốn sau khi anh chấp hàng xong hình phạt tù, hai người nói chuyện giải quyết mọi vấn đề còn khúc mắc, nếu cần sẽ làm thủ tục ly hôn tại Toà án sau. Khi anh ở trại giam, chị D không quan tâm, thăm gặp anh. Nếu chị D cương quyết ly hôn, đề nghị Toà xem xét theo nguyện vọng của chị D.

Về con chung, anh và chị D có 03 con chung. Vì anh không đồng ý ly hôn và đang chấp hành hình phạt tù nên chị D vẫn có trách nhiệm nuôi các con trong thời gian anh ở chấp hành án.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, anh không có ý kiến và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì không đồng ý ly hôn nên các văn bản tố tụng của Toà án giao, anh từ chối nhận.

* Trại giam Hoàng Tiến- Bộ công an cung cấp thông tin: Anh Trần Duy N đang chấp hành án tại phân trại số Y, Trại giam Hoàng Tiến về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù là 03 năm 04 tháng kể từ ngày 23/12/2020.

* Công an và UBND phường A cung cấp: Anh N và chị D là vợ chồng, có đăng ký tạm trú ở phường A, thành phố H và sinh sống cho đến khi anh N bị bắt tạm giam vào cuối năm 2020.

* Trưởng khu P, phường A cung cấp: Hiện chị D và 03 con sống cùng với bố mẹ đẻ chị D ở khu dân cư P, phường A, Tp. H. Chị D làm may thuê cho hộ gia đình, lương hàng tháng khoảng 04 đến 05 triệu đồng.

* Ông Vũ Văn V- bố đẻ chị D cung cấp: Quá trình chung sống, chị D và anh N thường xảy ra mâu thuẫn. Anh N đối xử tệ bạc với chị D, không tôn trọng bố mẹ vợ, và vi phạm pháp luật đi tù hai lần làm khổ vợ con. Hiện chị D và các con đang ở cùng vợ chồng ông. Ông đề nghị giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị D và cho chị D được nuôi 03 con. Vợ chồng ông sẽ hỗ trợ chị D trông nom, chăm sóc các cháu.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.
- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ

án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) căn cứ các quy định của pháp luật, xử: Cho chị D được ly hôn anh N; về con chung, giao chị D được chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn, có nơi cư trú: Chung cư L, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương và hiện đang thi hành án tại: Đội X, phân trại số Y, Trại giam Hoàng Tiến- Bộ Công an. Nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng từ chối không nhận, lý do không đồng ý ly hôn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Trần Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2010 tại UBND xã L, S, Hải Dương nên hôn nhân của chị D và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị D và anh N hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp và không tin tưởng tình cảm dành cho nhau nên vợ chồng xảy ra đánh, cãi nhau. Đến nay, chị D và anh N đều xác định không còn tình cảm với nhau. Lý do anh N không đồng ý ly hôn không có căn cứ được chấp nhận. Bản thân anh N nhiều lần vi phạm pháp luật, 02 lần bị kết án giam và hiện đang chấp hành án tại phân trại số Y Trại giam Hoàng Tiến, Bộ Công an nên ảnh hưởng đến hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, chị D và anh N hôn nhân không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị D và anh N có 03 con chung là Trần Duy L, sinh ngày 28/01/2011, Trần Duy T, sinh ngày 25/9/2014 và Trần Vũ Tâm A, sinh ngày 23/8/2021. Hiện các cháu đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có cuộc sống sinh hoạt ổn định cùng với chị D và ông bà ngoại. Chị D có công việc, thu nhập và thời gian để chăm sóc các con. Cháu L và T đều có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Tâm A còn nhỏ tuổi (chưa đủ 01 tuổi). Trong khi, anh N đang chấp hành án tại trại giam không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nên

xét về mọi mặt, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được nuôi cả 03 con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, chị D và anh N không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, quan hệ này Toà án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Trần Duy N.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Trần Duy N có 03 con chung là Trần Duy L, sinh ngày 28/01/2011, Trần Duy T, sinh ngày 25/9/2014 và Trần Vũ Tâm A, sinh ngày 23/8/2021.

Giao cho chị Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Duy N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001657 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã thi hành xong).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND xã L, S, HD;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà